

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 18/CT-UBND CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH TRONG THÁNG 02/2023  
CỦA UBND CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-VPUBND ngày / /2023 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong tháng			Số hồ sơ đã giải quyết trong tháng								Số hồ sơ còn tồn chưa giải quyết						Lấy kế hồ sơ đã giải quyết từ đầu năm					
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Giải quyết trước hạn	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa	Tổng số	Số hồ sơ trong thời hạn giải quyết	Số hồ sơ quá hạn giải quyết	Số văn bản đã xin lỗi	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa	Tổng số	Giải quyết trước hạn	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết quá hạn	Số văn bản xin lỗi	Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử	Số văn bản xin lỗi đã niêm yết tại bộ phận 1 cửa	
			Số hồ sơ chưa giải quyết của tháng trước chuyển qua	Tổng số hồ sơ tiếp nhận mới trong tháng																				Số văn bản xin lỗi đã đăng lên Trang thông tin điện tử
(1)	(2)	(3)=(4)+(5) (3)=(6)+(13)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8) (6)=(9)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14) +(15)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)=(20)+ (21)+(22)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)
	<b>Tổng số</b>	3.738	689	3.049	2.858	1.979	746	133	91	83	91	880	834	46	5	5	5	7.750	5.286	2.175	289	173	183	193
1	UBND TP Buôn Ma Thuột	1.382	214	1168	1.145	1087	9	49	49	49	49	237	201	36	0	0	0	2.940	2438	405	97	97	97	97
2	UBND thị xã Buôn Hồ	173	45	128	115	103	12	0	0	0	0	58	58	0	0	0	0	325	296	29	0	0	0	0
3	UBND huyện Krông Ana	111	29	82	80	77	0	3	3	3	3	31	31	0	0	0	0	334	330	0	4	4	4	4
4	UBND huyện Krông Năng	150	56	94	66	62	4	0	0	0	0	84	84	0	0	0	0	470	447	23	0	0	0	0
5	UBND huyện Krông Búk	101	32	69	47	32	7	8	8	8	8	54	52	2	0	0	0	180	130	35	15	15	15	15
6	UBND huyện Cư M'gar	402	172	230	156	127	9	20	2	2	2	246	242	4	1	1	1	327	261	28	38	3	21	21
7	UBND huyện Cư Kuin	205	0	205	205	21	163	21	21	21	21	-	0	0	0	0	0	541	21	475	45	45	45	45
8	UBND huyện Ea Súp	92	0	92	85	35	50	0	0	0	0	7	7	0	0	0	0	162	95	59	8	0	0	0
9	UBND huyện Lắk	35	11	24	33	19	6	8	8	0	8	2	0	2	2	2	2	49	34	6	9	8	0	8
10	UBND huyện Ea H'leo	139	3	136	54	54	0	0	0	0	0	85	83	2	2	2	2	162	161	0	1	1	1	1
11	UBND huyện Ea Kar	271	51	220	266	204	38	24	0	0	0	5	5	0	0	0	0	864	730	62	72	0	0	2
12	UBND huyện M'Drăk	99	0	99	99	3	96	0	0	0	0	-	0	0	0	0	0	335	3	332	0	0	0	0
13	UBND huyện Krông Pắc	175	73	102	128	112	16	0	0	0	0	47	47	0	0	0	0	276	260	16	0	0	0	0
14	UBND huyện Krông Bông	67	3	64	43	43	0	0	0	0	0	24	24	0	0	0	0	87	80	7	0	0	0	0
15	UBND huyện Buôn Đôn	336	0	336	336	0	336	0	0	0	0	-	0	0	0	0	0	698	0	698	0	0	0	0